TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Ông Dương Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1986, (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Sung Chang M, sinh năm 1973, (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 016, phường N, thị trấn Q, huyện T, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Sung Chang M quen biết nhau do có thời gian chị H làm việc chung với anh Sung Chang M tại Đài Loan, trong thời gian làm việc chung chị có tìm hiểu về anh Sung Chang M 01 năm thì tiến đến hôn nhân, nên hôn nhân giữa chị và anh M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống với nhau được khoảng 01 tuần tại Việt Nam, sau đó anh Sung Chang M trở về Đài Loan. Từ khoảng giữa năm 2012 đến đầu năm 2015, hàng năm anh Sung Chang M đều sang Việt Nam thăm chị từ một đến hai lần và thời gian chung sống với nhau mỗi lần khoảng 01 tuần. Anh Sung Chang M có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan để

vợ chồng đoàn tụ, nhưng do chị phỏng vấn không đạt nên anh Sung Chang M về Đài Loan sinh sống từ năm 2015 đến nay anh Sung Chang M không sang Việt Nam thăm chị lần nào nữa, chị và anh Sung Chang M không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mỗi người sống một nơi, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sung Chang M.

Về con chung: Chị Lê Thị H xác định chị và anh Sung Chang M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định chị và anh Sung Chang M không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Sung Chang M: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 29/6/2023, Tòa án nhận được Văn bản số 1311/BTP-PLQT ngày 13/6/2023 của Bộ Tư pháp, thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh Sung Chang M với nội dung: "... Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 08/5/2023 bằng phương thức: Tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự". Tuy nhiên, anh Sung Chang M không có mặt tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Sung Chang M. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Sung Chang M là người nước ngoài, đang sinh sống tại địa chỉ: Khóm 016, phường N, thị trấn Q, huyện T, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc

Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục ủy thác tư pháp: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh Sung Chang M theo quy định của pháp luật, nhưng anh Sung Chang M không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Sung Chang M.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự: Đối với nguyên đơn chị Lê Thị H, ngày 27/7/2023, chị H nộp đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị H phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Sung Chang M. Hội đồng xét xử xét thấy: Lê Thị H và anh Sung Chang M tự nguyện kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/12/2011, tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu vào sổ đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011, nên hôn nhân giữa chị H và anh Sung Chang M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời khai của chị H, có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị và anh M chung sống với nhau trong thời gian ngắn tại Việt Nam. Từ năm 2015, chị và anh Sung Chang không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi, không thể đoàn tụ được, do anh Sung Chang M không về Việt Nam nữa, còn chị H thì không thể sang Đài Loan, trong thời gian không còn sống chung anh Sung Chang M không còn quan tâm đến chị H và anh chị cũng không còn liên lạc với nhau, làm cho đời sống nhân không thể kéo dài, hiện nay mỗi người ở một nơi, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

[3] Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó giữa chị H và anh Sung Chang M đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi, không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H, cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Sung Chang M là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung và tài sản chung, nợ chung. Chị H xác định, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Sung Chang M.

Xử cho chị Lê Thị H, sinh năm 1986 được ly hôn với anh Sung Chang M, sinh năm 1973.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000279 ngày 01/11/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), chị Lê Thị H đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000314 ngày 09/02/2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, đã chuyển thu không được hoàn lại.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; anh

Sung Chang M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn